Class TH.S TRÀN ĐỨC LỢI PYTHONVIETNAM.INFO

Ôn tập bài cũ

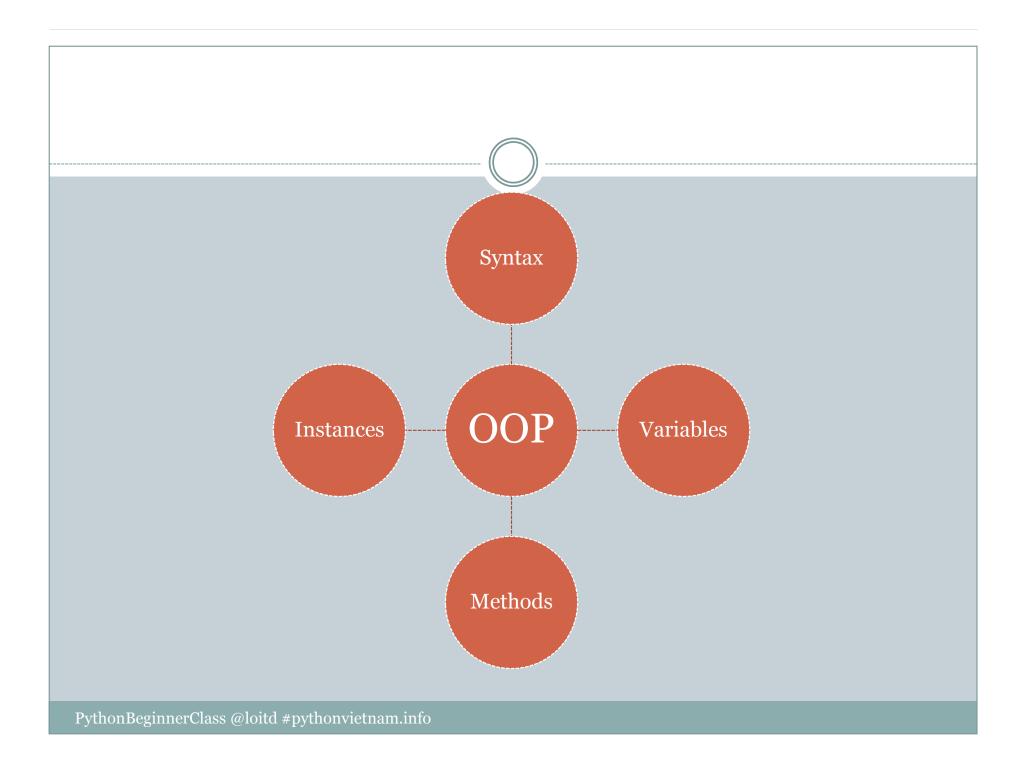
• Ôn lại nội dung đã học về File I/O

Mục đích bài học

• Tìm hiểu về Class trong python

Class

- Một mẫu do người dùng tự định nghĩa với một tập hợp các thuộc tính (attributes)
- Attributes = data members (variables) + methods
- Truy nhập thuộc tính thông qua dấu "."



Class: Sample

- Dùng từ khóa class để khai báo
- class classname:
 - o "Docstring for class"
 - Attributes
- Classname.___doc___

Class: Class variables vs Instance variables

Class variables:

- O Dùng chung bởi các instance của class
- o Định nghĩa ở trong class nhưng ngoài các method

• Instance variables:

- Khác nhau giữa các instance
- Được định nghĩa trong methods

Class: Method

- Function được khai báo trong khai báo của lớp
- class classname:
 - o "Docstring for class"
 - o Def method1(self):
 - × Method content

Class: Instance

- Một đối tượng của một class
- Person = classname()
- Person được coi là một instance của classname

Class: Ví dụ

- Class People:
 - o "docstrings here"
 - o Pcount = o
 - o Def __init__(self, name):
 - \times Self.name = name
 - ➤ People.pcount =+ 1
 - Open Def getpopulation(self):
 - Print People.pcount

Class: ___init___()

- Một loại method đặc biệt
- Initialization method (# constructor)
- Được gọi khi khởi tạo một instance mới
- Các thuộc tính của đối tượng được khai báo trong __init___()
- Ví dụ:
 - o Loi = People('Tran Duc Loi')

Class: self

- Tất cả các method được khai báo trong class đều có self
- Khi gọi một method python sẽ không cần khai báo
- Xem lại ví dụ.

Class: Truy nhập thuộc tính

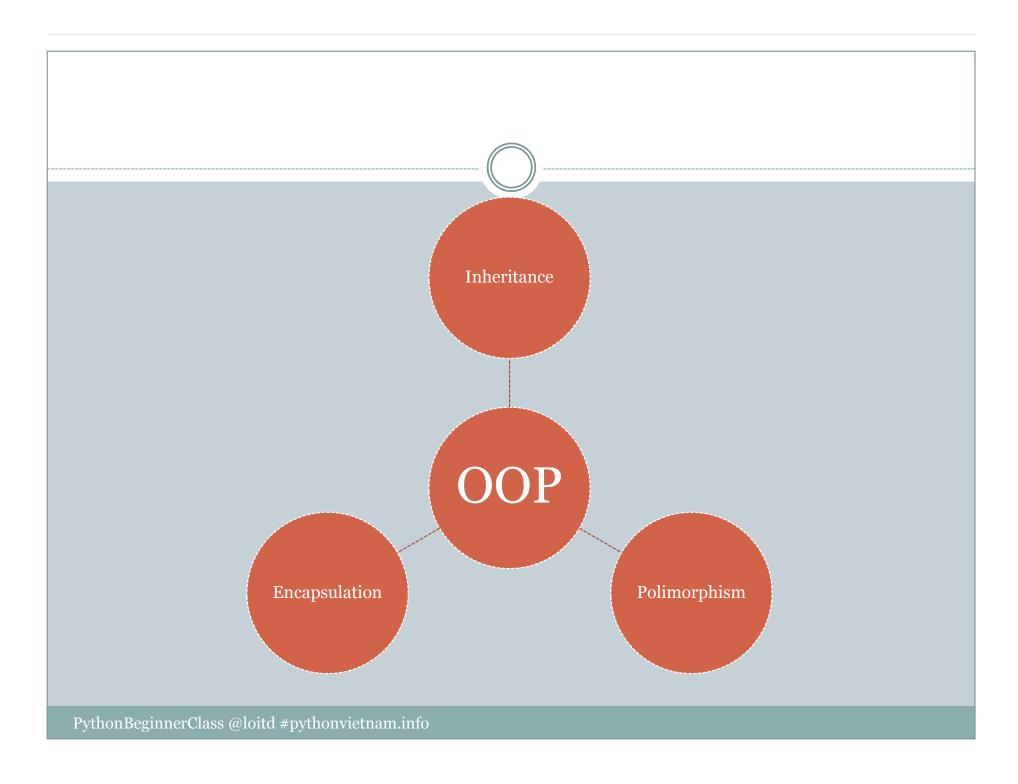
- Sử dụng "." để truy nhập thuộc tính
- Ví dụ:
 - o Person. Getpopulation()
 - Person.name
- Person là instance
- Truy nhập class variable vs instance variable?

Class

- Hasattr(object, name)
- Getattr(object, name, default)
- Setattr(object, name, value)
- Delattr(object, name)

Class: ___del___()

- Xóa các đối tượng không còn cần thiết
- Python tự động thực hiện garbage collection
- ___del___()
- Ví dụ:
- Class People:
 - o "docstrings here"
 - o Pcount = o
 - o Def ___init___(self, name):
 - o Def __del(self):



Class: Inheritance

- Tính kế thừa trong hướng đối tượng
- Ví dụ:
 - Class Children(Parent1, Parent2, ...):
 - × "docstring"
- Class Children sẽ được kế thừa các thuộc tính trong các class Parent1, ...
- Class Children có thể ghi đè các thuộc tính của class Parent1, ...

Class: Inheritance

- Ví dụ:
- Class Parent(object):
 - o Age = 100
 - o Def __init(self):
 - o Def setAttr(self, value):
 - O Def getAttr(self):
- Class Child(Parent):
 - o Def ___init___(self):
 - Super(Child, self).__init__()
 - Open Def childget(self):

Class: Polymorphism

- Overriding methods
- Cho các phương thức khác nhau ở các lớp con khác nhau
- Hàm ___init___() là một ví dụ về overriding
- Xem xét ví dụ

Class: Encapsulation

- Hạn chế truy cập vào các thuộc tính của đối tượng
- Public, protected, private?
- ___wheels
- Object.__classname___attributename
- Python đã bảo vệ truy nhập thuộc tính đối tượng như thế nào?